

CHUẨN ĐẦU RA

TIỀN SĨ CHUYÊN NGÀNH NGOẠI TIẾT NIỆU

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD ngày /201...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế)*

1. Tên chuyên ngành đào tạo: Ngoại tiết niệu Mã số: 62 72 07 15

2. Trình độ đào tạo: Sau Đại học

3. Yêu cầu về kiến thức

- Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện trong chuyên ngành Ngoại tiết niệu.

- Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo.

- Làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật, phát triển các nguyên lý, học thuyết của chuyên ngành Ngoại tiết niệu.

- Có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh trong chuyên ngành Ngoại tiết niệu.

- Tiếng Anh đạt trình độ B2 của CEFR (khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Hội đồng Châu Âu) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

4. Yêu cầu về kỹ năng

- Phát hiện sớm, chuẩn đoán và điều trị đúng các bệnh lý tiết niệu, tay nghề thành thạo trong phẫu thuật bệnh lý về tiết niệu.

- Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực ngoại tiết niệu; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế.

- Có kỹ năng ngoại ngữ có thể hiểu được các báo cáo phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành Ngoại khoa. Có thể giao tiếp, trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ ở mức độ trôi chảy, thành thạo với người bản ngữ. Có thể viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên

ngành; có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau.

- Ứng dụng được một số kỹ thuật hiện đại nhằm góp phần tích cực trong chẩn đoán và điều trị.

5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc.

- Đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến.

- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể.

- Có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn.

- Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

6. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp

- Cơ quan quản lý nhà nước về y tế

- Các Trường, Viện, Bệnh viện từ tuyến Trung ương đến tuyến tỉnh.

7. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục nghiên cứu những hướng mới, chuyên sâu trong chuyên ngành Ngoại tiết niệu.

CHUẨN ĐẦU RA

TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD ngày/201....
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế)*

1. Tên chuyên ngành đào tạo: Chẩn đoán hình ảnh Mã số: 62 72 01 66

2. Trình độ đào tạo: Sau Đại học

3. Yêu cầu về kiến thức

- Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện trong chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh.

- Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo.

- Làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật, phát triển các nguyên lý, học thuyết của chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh.

- Có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và hiểu biết các nguyên lý, qui tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị thuộc ngành Kỹ thuật y học.

- Tiếng Anh đạt trình độ B2 của CEFR (khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Hội đồng Châu Âu) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

4. Yêu cầu về kỹ năng

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật và kỹ thuật cao trong chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh.

- Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực Chẩn đoán hình ảnh; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế.

- Có kỹ năng ngoại ngữ có thể hiểu được các báo cáo phức tạp về các chủ đề cụ thể và trù tượng, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh. Có thể giao tiếp, trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ ở mức độ trôi chảy, thành thạo với người bản ngữ. Có thể viết được các báo cáo khoa học, báo cáo

chuyên ngành; có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau.

- Ứng dụng được một số kỹ thuật hiện đại nhằm góp phần tích cực trong chẩn đoán và điều trị.

5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc.

- Đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến.

- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể.

- Có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn.

- Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

6. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp

- Cơ quan quản lý nhà nước về y tế

- Các Trường, Viện, Bệnh viện từ tuyến Trung ương đến tuyến tỉnh.

7. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục nghiên cứu những hướng mới, chuyên sâu trong chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh.

CHUẨN ĐẦU RA
TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH NGOẠI TIÊU HÓA
*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD ngày /201...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế)*

1. Tên chuyên ngành đào tạo: Ngoại tiêu hóa Mã số: 62 72 01 25

2. Trình độ đào tạo: Sau Đại học

3. Yêu cầu về kiến thức

- Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện trong chuyên ngành Ngoại tiêu hóa.

- Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo.

- Làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật, phát triển các nguyên lý, học thuyết của chuyên ngành Ngoại tiêu hóa.

- Có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh trong chuyên ngành Ngoại tiêu hóa.

- Tiếng Anh đạt trình độ B2 của CEFR (khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Hội đồng Châu Âu) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

4. Yêu cầu về kỹ năng

- Phát hiện sớm, chuẩn đoán và điều trị đúng các bệnh lý tiêu hóa, tay nghề thành thạo trong phẫu thuật bệnh lý về tiêu hóa.

- Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực ngoại tiêu hóa; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế.

- Có kỹ năng ngoại ngữ có thể hiểu được các báo cáo phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành Ngoại khoa. Có thể giao tiếp, trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ ở mức độ trôi chảy, thành thạo với người bản ngữ. Có thể viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên

ngành; có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau.

- Ứng dụng được một số kỹ thuật hiện đại nhằm góp phần tích cực trong chẩn đoán và điều trị.

5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc.

- Đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến.

- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể.

- Có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn.

- Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

6. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp

- Cơ quan quản lý nhà nước về y tế

- Các Trường, Viện, Bệnh viện từ tuyến Trung ương đến tuyến tỉnh.

7. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục nghiên cứu những hướng mới, chuyên sâu trong chuyên ngành Ngoại tiêu hóa.

CHUẨN ĐẦU RA
TIỀN SĨ CHUYÊN NGÀNH Y TẾ CÔNG CỘNG

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD ngày /201...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế)*

1. Tên chuyên ngành đào tạo: Y tế công cộng Mã số: 62 72 03 01

2. Trình độ đào tạo: Sau Đại học

3. Yêu cầu về kiến thức

- Tổng hợp được các kiến thức về y tế công cộng phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Đánh giá được các nghiên cứu khoa học về y tế công cộng.

- Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo.

- Vận dụng thành thạo các kiến thức về kinh tế, văn hóa - xã hội đặc thù ở khu vực miền núi trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề mới phát sinh ngoài cộng đồng.

- Nghiên cứu đưa ra các dự báo về diễn biến bệnh và su hướng bệnh trong cộng đồng.

- Tiếng Anh đạt trình độ B2 của CEFR (khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Hội đồng Châu Âu) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

- Vận dụng được kiến thức về phương pháp giảng dạy để hướng dẫn đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.

4. Yêu cầu về kỹ năng

- Lập được kế hoạch để giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên dựa vào bằng chứng, có cơ sở khoa học.

- Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực Y tế cộng đồng; tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá được các chương trình y tế triển khai tại địa phương; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế.

- Có kỹ năng ngoại ngữ có thể hiểu được các báo cáo phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành Y tế công cộng. Có thể giao tiếp, trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ ở mức độ trôi chảy, thành thạo với người bản ngữ. Có thể viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành; có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau.

- Quản lý có hiệu quả các nguồn lực và hoạt động y tế ở các cơ sở y tế, sử dụng thành thạo một số phần mềm ứng dụng để xử lý, phân tích số liệu trong các nghiên cứu khoa học.

5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc.

- Đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến.

- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể.

- Có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn.

- Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

6. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp

- Cơ quan quản lý nhà nước về y tế

- Các Trường, Viện, Bệnh viện từ tuyến Trung ương đến tuyến tỉnh.

7. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục nghiên cứu những hướng mới, chuyên sâu trong lĩnh vực sức khỏe cộng đồng.

CHUẨN ĐẦU RA
TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH SẢN PHỤ KHOA
*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD ngày /201...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế)*

1. Tên chuyên ngành đào tạo: Sản phụ khoa Mã số: 62 72 01 31

2. Trình độ đào tạo: Sau Đại học

3. Yêu cầu về kiến thức

- Tổng hợp được các kiến thức về y học cơ sở và chuyên ngành trong chẩn đoán, xử trí, tiên lượng và phòng bệnh các bệnh Sản phụ khoa.

- Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo.

- Làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật, phát triển các nguyên lý, học thuyết của chuyên ngành Sản phụ khoa.

- Có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh trong chuyên ngành Sản phụ khoa.

- Tiếng Anh đạt trình độ B2 của CEFR (khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Hội đồng Châu Âu) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

4. Yêu cầu về kỹ năng

- Thực hiện thành thạo chẩn đoán, xử trí, tiên lượng và phòng bệnh các bệnh Sản phụ khoa.

- Chỉ định và phân tích thành thạo các xét nghiệm phục vụ chẩn đoán và điều trị các bệnh Sản phụ khoa; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế.

- Có kỹ năng ngoại ngữ có thể hiểu được các báo cáo phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành Sản phụ khoa. Có thể giao tiếp, trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ ở mức độ trôi chảy, thành thạo với người bản ngữ. Có thể viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành; có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau.

- Sử dụng thành thạo một số thiết bị y tế trong chẩn đoán và điều trị các bệnh Sản phụ khoa.

5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc.

- Đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến.

- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể.

- Có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn.

- Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

6. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp

- Cơ quan quản lý nhà nước về y tế

- Các Trường, Viện, Bệnh viện từ tuyến Trung ương đến tuyến tỉnh.

7. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục nghiên cứu những hướng mới, chuyên sâu trong chuyên ngành Sản phụ khoa.

CHUẨN ĐẦU RA

TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH NỘI TIM MẠCH

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD ngày /201...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế)*

1. Tên chuyên ngành đào tạo: Nội tim mạch Mã số: 62 72 01 41

2. Trình độ đào tạo: Sau Đại học

3. Yêu cầu về kiến thức

- Vận dụng được kiến thức y học cơ sở, dược lý và chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh Nội khoa, có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện trong chuyên ngành Nội tim mạch.

- Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo.

- Làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật, phát triển các nguyên lý, học thuyết của chuyên ngành Nội tim mạch.

- Có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh trong chuyên ngành Nội tim mạch.

- Tiếng Anh đạt trình độ B2 của CEFR (khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Hội đồng Châu Âu) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

4. Yêu cầu về kỹ năng

- Phát hiện sớm, chuẩn đoán và điều trị đúng các bệnh lý về tim mạch, tay nghề thành thạo trong các kỹ thuật can thiệp tim mạch.

- Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực tim mạch; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế.

- Có kỹ năng ngoại ngữ có thể hiểu được các báo cáo phức tạp về các chủ đề cụ thể và trù tượng, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành Nội khoa. Có thể giao tiếp, trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ ở mức độ trôi chảy, thành thạo với người bản ngữ. Có thể viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên

ngành; có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau.

- Ứng dụng được một số kỹ thuật hiện đại nhằm góp phần tích cực trong chẩn đoán, tiên lượng, điều trị và dự phòng.

5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc.

- Đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến.

- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể.

- Có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn.

- Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

6. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp

- Cơ quan quản lý nhà nước về y tế

- Các Trường, Viện, Bệnh viện từ tuyến Trung ương đến tuyến tỉnh.

7. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục nghiên cứu những hướng mới, chuyên sâu trong chuyên ngành Nội tim mạch.

ngành; có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau.

- Ứng dụng được một số kỹ thuật hiện đại nhằm góp phần tích cực trong chẩn đoán, tiên lượng, điều trị và dự phòng.

5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc.

- Đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến.

- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể.

- Có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn.

- Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

6. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp

- Cơ quan quản lý nhà nước về y tế

- Các Trường, Viện, Bệnh viện từ tuyến Trung ương đến tuyến tỉnh.

7. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục nghiên cứu những hướng mới, chuyên sâu trong chuyên ngành Nội tiêu hóa.

CHUẨN ĐẦU RA

TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH NỘI TIẾT

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD ngày .../.../201...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế)*

1. Tên chuyên ngành đào tạo: Nội tiết Mã số: 62 72 01 45

2. Trình độ đào tạo: Sau Đại học

3. Yêu cầu về kiến thức

- Vận dụng được kiến thức y học cơ sở, dược lý và chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh Nội khoa, có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện trong chuyên ngành Nội tiết.

- Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo.

- Làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật, phát triển các nguyên lý, học thuyết của chuyên ngành Nội tiết.

- Có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh trong chuyên ngành Nội tiết.

- Tiếng Anh đạt trình độ B2 của CEFR (khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Hội đồng Châu Âu) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

4. Yêu cầu về kỹ năng

- Phát hiện sớm, chuẩn đoán và điều trị đúng các bệnh lý về nội tiết, tay nghề thành thạo trong các kỹ thuật can thiệp nội tiết.

- Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực nội tiết; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế.

- Có kỹ năng ngoại ngữ có thể hiểu được các báo cáo phức tạp về các chủ đề cụ thể và trù tượng, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành Nội khoa. Có thể giao tiếp, trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ ở mức độ trôi chảy, thành thạo với người bản ngữ. Có thể viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên

ngành; có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau.

- Ứng dụng được một số kỹ thuật hiện đại nhằm góp phần tích cực trong chẩn đoán, tiên lượng, điều trị và dự phòng.

5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc.

- Đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến.

- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể.

- Có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn.

- Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

6. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp

- Cơ quan quản lý nhà nước về y tế

- Các Trường, Viện, Bệnh viện từ tuyến Trung ương đến tuyến tỉnh.

7. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục nghiên cứu những hướng mới, chuyên sâu trong chuyên ngành Nội tiết.

CHUẨN ĐẦU RA

TIỀN SĨ CHUYÊN NGÀNH NỘI THẬN – TIẾT NIỆU

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHYD ngày .../ /201...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế)*

1. Tên chuyên ngành đào tạo: Nội thận – tiết niệu Mã số: 62 72 01 46

2. Trình độ đào tạo: Sau Đại học

3. Yêu cầu về kiến thức

- Vận dụng được kiến thức y học cơ sở, dược lý và chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh Nội khoa, có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện trong chuyên ngành Nội thận – tiết niệu.

- Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo.

- Làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật, phát triển các nguyên lý, học thuyết của chuyên ngành Nội thận – tiết niệu.

- Có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh trong chuyên ngành Nội thận – tiết niệu.

- Tiếng Anh đạt trình độ B2 của CEFR (khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Hội đồng Châu Âu) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

4. Yêu cầu về kỹ năng

- Phát hiện sớm, chuẩn đoán và điều trị đúng các bệnh lý về thận – tiết niệu, tay nghề thành thạo trong các kỹ thuật can thiệp thận – tiết niệu.

- Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực thận – tiết niệu; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế.

- Có kỹ năng ngoại ngữ có thể hiểu được các báo cáo phức tạp về các chủ đề cụ thể và trù tượng, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành Nội khoa. Có thể giao tiếp, trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ ở mức độ trôi chảy, thành thạo với người bản ngữ. Có thể viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên

ngành; có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau.

- Ứng dụng được một số kỹ thuật hiện đại nhằm góp phần tích cực trong chẩn đoán, tiên lượng, điều trị và dự phòng.

5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc.

- Đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến.

- Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể.

- Có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn.

- Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

6. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp

- Cơ quan quản lý nhà nước về y tế

- Các Trường, Viện, Bệnh viện từ tuyến Trung ương đến tuyến tỉnh.

7. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục nghiên cứu những hướng mới, chuyên sâu trong chuyên ngành Nội thận – tiết niệu